

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số:138/2017/HSST

Ngày 27 tháng 9 năm 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và ông Trịnh Văn Chi.

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Thu Trang – Thư ký
Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham
gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan - Kiểm sát viên.*

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý,
tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 120/2017/HSST ngày 01
tháng 9 năm 2017 đối với:

*** Bị cáo: Nguyễn Trọng T**, sinh năm 1986; Nơi ĐKNKTT, chỗ ở: Xóm
4, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa:
12/12. Con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị B sinh năm 1961;
Vợ: Vũ Thị N, sinh năm 1987, con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất
sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 22/6/2017 đến ngày 30/6/2017 có quyết định hủy bỏ
quyết định tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi
khỏi nơi cư trú. Có mặt.

*** Người bị hại:** Chị Phạm Thị C: sinh năm 1985. Trú tại: Xóm 9, xã B,
huyện B, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Vũ Thị N, sinh năm 1987.
Trú tại: Xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam truy tố
về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 22/6/2017, Nguyễn Trọng T điều khiển xe
máy BKS 90B2-469.45 đến quán bánh cuốn của chị Phạm Thị C thuê tại tổ 6,
phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam, T vào quán hỏi mua 01 suất bánh cuốn
giá 25.000đ, trong lúc đợi T có hỏi xin đi nhờ vệ sinh. Khi đi qua phòng ngủ của
chị C, T nhìn thấy có 01 chiếc tủ nhựa nhiều ngăn, có ngăn không khóa liền này
sinh ý định lấy trộm tài sản, T quan sát không thấy ai liền dùng tay kéo ngăn kéo

ra thấy bên trong có 01 chiếc ví giả da, T lấy chiếc ví và đi vào trong nhà vệ sinh mở ví ra kiểm tra thấy bên trong có 4.800.000đ và một số giấy tờ khác. T lấy số tiền trong ví ra định bỏ vào túi áo đang mặc thì nghe thấy tiếng động bên ngoài, T nhìn qua khe cửa nhà vệ sinh thấy chị C đang tắt quạt điện và bê vào trong góc tường, T sợ bị phát hiện nên bỏ lại số tiền vào trong ví và để lên bao tải nhà vệ sinh rồi đi ra ngoài chờ lấy bánh cuốn. Chị C thấy thái độ của T thì nghi ngờ nên đi vào trong phòng ngủ kiểm tra tủ không thấy ví tiền đâu, liền chạy ra ngoài tri hô mọi người giữ T lại, đồng thời báo Công an phường H đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Sau đó Công an phường H đã chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý giải quyết theo thẩm quyền.

Thu giữ đồ vật, tài sản gồm:

- Thu của Nguyễn Trọng T: 01 ví giả da màu đen bên trong có 01 chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe; 01 bản sao đăng ký xe máy có công chứng BKS 90B2-469.45 và 01 chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đều mang tên Nguyễn Trọng T; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BKS 90B2-469.45; 01 điện thoại di động Nokia C5 màu vàng đã qua sử dụng bên trong có lắp một thẻ sim; 01 điện thoại Nokia X2-01 màu đen đã qua sử dụng và số tiền 3.000.000đ.

- Chị Phạm Thị C giao nộp: 01 ví giả da màu đen bên trong có 4.800.000đ; 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị C; 01 đăng ký xe máy BKS 90B1-266.16 mang tên Nguyễn Văn N.

Tại bản cáo trạng số 137/CT-VKS ngày 01/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý truy tố Nguyễn Trọng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như đã nêu trong bản cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Trọng T từ 5 đến 6 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án, đồng thời đề xuất xử lý vật chứng.

Chị Vũ Thị N trình bày: chị là vợ của bị cáo. Chiếc xe máy và số tiền 3.000.000đ mà Cơ quan điều tra thu giữ là của vợ chồng chị (tiền mua xe máy là do vợ chồng chị tiết kiệm và mua trả góp). Nay chị đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe và số tiền trên cho vợ chồng chị.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Đôi chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra HĐXX thấy cơ bản phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 18h ngày 22/6/2017 tại quán bán hàng bánh cuốn của chị Phạm Thị C ở tổ 6, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam Nguyễn Trọng T đi vệ sinh thấy chiếc tủ nhựa đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã lén lút mở ngăn kéo tủ phòng ngủ của chị C lấy trộm 01 chiếc ví mang vào trong nhà vệ sinh kiểm tra bên trong có 4.800.000đ, nhưng thấy chị C đi về phía nhà vệ sinh, sợ bị phát hiện, T đã để chiếc ví trong nhà vệ sinh đi ra thì bị bắt quả tang. Bị cáo cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng chưa chiếm đoạt được tài sản là ngoài ý muốn của bị cáo nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Trọng T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của Nguyễn Trọng T là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa bàn. Điều này gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong việc bảo quản tài sản của người dân. Hành vi của bị cáo còn thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, chỉ muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng nên đã lợi dụng sơ hở mà lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác trục lợi cho bản thân.

Khi lượng hình cũng cần nhắc đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để áp dụng hình phạt cho phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p, g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự (BLHS). Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình nên xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS.

Cần nhắc các tình tiết giảm nhẹ nêu trên xét nhân thân thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS nên căn cứ Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo HĐXX thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo trở thành công dân lương thiện. Điều

này thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu biết ăn năn hối cải.

Trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị C đã nhận lại đầy đủ tài sản và không có đề nghị gì đối với bị cáo nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Xử lý vật chứng:

Đối với 01 ví giả da màu đen; số tiền 4.800.000đ; 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị C; 01 đăng ký xe máy BKS 90B1-266.16 mang tên Nguyễn Văn N quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị C nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý đã trả lại cho chị C, chị đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Đối với 01 ví giả da màu đen; 01 chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Trọng T; 01 điện thoại di động Nokia C5 màu vàng đã qua sử dụng bên trong lắp một thẻ sim; 01 điện thoại di động Nokia X2-01 màu đen đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của Nguyễn Trọng T không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BKS 90B2-469.45; 01 bản sao đăng ký xe máy có công chứng và 01 chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe BKS 90B2-469.45 và số tiền 3.000.000đ, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định là tài sản hợp pháp của vợ chồng bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo: bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội “Trộm cắp tài sản” (phạm tội chưa đạt).

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 52; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 6 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao Nguyễn Trọng T cho UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2/ Xử lý vật chứng: Áp dụng điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại bị cáo 01 ví giả da màu đen đã cũ; 01 chứng minh nhân dân số 168192869; 01 giấy phép lái xe số 350076000858 đều mang tên Nguyễn Trọng T; 01 điện thoại di động Nokia C5 màu vàng số imel 355970/04/3107730/4 bên trong có một thẻ sim; 01 điện thoại di động Nokia X2-01 màu đen số imel 357391/04/212358/0; số tiền 3.000.000đ; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BKS 90B2-469.45; 01 bản phô tô công chứng đăng ký xe mô tô số 079442; 01 bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô số AA/0741208 tên chủ xe Nguyễn Trọng T.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý ngày 15/9/2017 và ủy nhiệm chi lập ngày 13/9/2017.

3/ Án phí HSST buộc bị cáo Nguyễn Trọng T phải nộp 200.000đ.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Hà Nam;
- Viện KSND TP Phủ Lý;
- Công an TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Cảnh